

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HS-ST
Ngày 13 - 3 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Đăng Trình.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thùy Linh

Ông Vũ Văn Lầy

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thu Trang, Thư ký Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận K, TP.Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Trần Công Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2018/HSST ngày 13/02/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2018/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn L, sinh năm 1987 tại Hải Phòng, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn T, xã A, huyện A, TP.Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Đồng Thị L (đều đã chết); chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Cháu Phùng Thị Mỹ D, sinh ngày 10/8/2001, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện A, TP.Hải Phòng, xin vắng mặt tại phiên tòa.

- **Người đại diện của bị hại:** Ông Phùng Văn B (bố đẻ cháu D), sinh năm 1969, cư trú tại: Thôn T, xã T, huyện A, TP.Hải Phòng, có mặt tại phiên tòa.

- **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:** Bà Nguyễn Thị Thu Hòa, Luật sư, Văn phòng Luật sư Lam Sơn, Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng, có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa cho bị cáo:** Bà Đặng Thị M Loan, Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước, thành phố Hải Phòng, có mặt tại phiên tòa.

- **Người làm chứng:** Ông Đào Duy C và chị Hà Thị Thu H, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 14/02/2017, Phùng Thị Mỹ D và Hà Thị Thu H đi chơi cùng Nguyễn Văn M (tức H) và Nguyễn Văn L. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, M và H về trước, còn L chở D đến khu vực cầu Nguyệt, A, Hải Phòng thì D kêu đau đầu nên L rủ D vào nhà nghỉ Thanh B ở ngõ 681 T, tổ C 1, phường T, Q.K, TP.Hải Phòng. Ông Đào Duy Cận là chủ nhà nghỉ cho D, L vào thuê phòng nghỉ số 4. L mượn ông Cận lọ dầu gió và xoa bóp cho D, sau đó cả hai người nằm nghỉ. Đến khoảng hơn 0 giờ ngày 15/02/2017, khi đang nằm trong phòng nghỉ số 4, được D đồng ý, L đã thực hiện hành vi giao cấu với D. Thời điểm này cháu D 15 năm 6 tháng 5 ngày tuổi. Trưa ngày 15/02/2017, L và D trả phòng và đi về.

Tại bản Kết luận giám định pháp y về tình dục số 72/2017/TD ngày 22/02/2017 của Trung tâm Pháp y Hải Phòng kết luận: Toàn thân cháu D không có dấu vết thương tích; màng trinh đã bị rách rộng cũ; xét nghiệm âm đạo không tìm thấy xác tinh trùng; hiện tại không có thai, không bị nhiễm các bệnh lây qua đường tình dục, chưa nhiễm HIV.

Bản Cáo trạng số 04/CT-VKSKA ngày 09/02/2018, Viện Kiểm sát nhân dân quận K đã truy tố Nguyễn Văn L về tội Giao cấu với trẻ em theo quy định tại khoản 1 Điều 115 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Lời khai của cháu Phùng Thị Mỹ D khai trong buổi sáng ngày 15/02/2017, L đã giao cấu với cháu D 02 lần. Trong quá trình điều tra, cháu D vắng mặt tại địa phương, bị cáo L chỉ thừa nhận giao cấu với D 01 lần. Vì vậy, không đủ cơ sở kết luận L giao cấu với D nhiều lần. Hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội Giao cấu với trẻ em. Do đó, Viện Kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với Nguyễn Văn L về tội Giao cấu với trẻ em. Quá trình điều tra, Nguyễn Văn L đã tự nguyện nộp số tiền 30.000.000 đồng để bồi thường cho bị hại; Bản thân bị cáo một mình phải trực tiếp nuôi dưỡng em là người khuyết tật đặc biệt nặng và nuôi dưỡng anh trai là người khuyết tật nặng. Gia đình bị cáo là hộ nghèo, đại diện của bị hại là ông Phùng Văn B có đơn xin xử mức án thấp nhất cho bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo lao động, nuôi dưỡng hai anh em của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “Giao cấu với trẻ em”, áp dụng khoản 1 Điều 115 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt Nguyễn Văn L từ 24 tháng đến 30 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584 và Điều 592 của Bộ luật Dân sự chấp nhận sự thỏa thuận của bị cáo với đại diện của bị hại, bồi thường thiệt hại dân sự cho cháu Phùng Thị Mỹ D số tiền 30.000.000 đồng.

- Về vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trả lại cho Nguyễn Văn L 01 áo phông đen cộc tay, 01 quần bò dài màu đen, 01 điện thoại di động OPPO màu trắng; trả lại cho bị hại 01 áo phông dài tay màu trắng hồng, 01 áo khoác màu xám đen và 01 điện thoại Viettel.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn L và bị cáo tự bào chữa: Đồng ý với lời luận tội của Kiểm sát viên. Tuy nhiên, khi phạm tội bị cáo không biết D là người dưới 16 tuổi, mục đích quen biết D để tìm hiểu và sẽ kết hôn với D; bị cáo được áp dụng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo. Miễn toàn bộ án phí cho bị cáo.

Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi cho người bị hại và đại diện người bị hại về hành vi phạm tội của bị cáo: nhất trí với ý kiến luận tội của đại diện Viện Kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo. Về bồi thường dân sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 30.000.000 đồng, đại diện bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường khoản tiền nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, đại diện của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, Kết luận giám định pháp y về tình dục, kết quả dựng lại hiện trường cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi đã rủ cháu Phùng Thị Mỹ D vào thuê phòng số 4 nhà nghỉ Thanh B thực hiện hành vi giao cấu với cháu D vào hơn 0 giờ sáng ngày 15/02/2017. Lời khai của cháu Phùng Thị Mỹ D khai trong buổi sáng ngày 15/02/2017, L đã giao cấu với cháu D 02 lần. Trong quá trình điều tra, cháu D vắng mặt tại địa phương, bị cáo L chỉ thừa nhận giao cấu với D 01 lần. Vì vậy, không đủ cơ sở kết luận L giao cấu với D nhiều lần. Như vậy, được sự đồng ý của cháu D, Nguyễn Văn L đã có hành vi giao cấu với cháu D khi cháu D ở độ tuổi 15 năm 06 tháng 05 ngày. Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm tội “Giao cấu với trẻ

em”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 115 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Như vậy, Viện Kiểm sát nhân dân quận K đã truy tố Nguyễn Văn L ra trước Tòa án nhân dân quận K để xét xử về tội danh, theo điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm vào sự phát triển B thường về thể chất, tâm sinh lý và danh dự, nhân phẩm của người chưa thành niên được pháp luật bảo vệ và còn gây mất trật tự trị an xã hội. Việc áp dụng khoản 1 Điều 115 Bộ luật Hình sự năm 1999, để xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc, để cải tạo giáo dục bị cáo và đáp ứng yêu cầu phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt thể hiện việc bị cáo không có tiền án, tiền sự; bị cáo nhất thời phạm tội. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 30.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại dân sự cho bị hại, đại diện bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn là hộ nghèo, bản thân bị cáo một mình phải trực tiếp nuôi dưỡng em trai là người khuyết tật đặc biệt nặng và nuôi dưỡng anh trai là người khuyết tật nặng. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy có thể chiếu cố, khoan hồng, áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 cho bị cáo được hưởng án treo theo đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, người bào chữa cho bị cáo, đại diện bị hại là phù hợp.

- Về trách nhiệm dân sự:

[3] Bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 30.000.000 đồng, trong đó: Đại diện bị hại đã nhận 20.000.000 đồng, còn 10.000.000 đồng bị cáo đã nộp cho Cơ quan Cảnh sát Điều tra chuyển Chi cục Thi hành án dân sự quận K; tại phiên tòa đại diện bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường khoản tiền nào khác. Vì vậy, về trách nhiệm dân sự không đặt ra để giải quyết.

- Về vật chứng trong vụ án:

[4] Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trả lại cho bị hại số tiền 10.000.000 đ (*Mười triệu đồng*); 01 áo phông dài tay màu trắng hồng, 01 áo khoác màu xám đen và 01 điện thoại Viettel; trả lại cho bị cáo 01 áo phông đen cộc tay, 01 quần bò dài màu đen, 01 điện thoại di động OPPO màu trắng.

Về ý kiến của người bào chữa cho bị cáo:

[5] Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, nhưng hành vi của bị cáo đã xâm phạm

vào sự phát triển B thường về thể chất, tâm sinh lý và danh dự, nhân phẩm của người chưa thành niên. Do đó, cần xét xử bị cáo một mức án bằng với mức thấp nhất theo đề nghị của Kiểm sát viên và cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp.

- Về án phí:

[6] Bị cáo là hộ nghèo được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 115 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015;

- Tuyên bố: **Nguyễn Văn L** phạm tội "Giao cấu với trẻ em".

Phạt bị cáo Nguyễn Văn L 2 (Hai) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 4 (Bốn) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân (UBND) xã A, huyện A, TP.Hải Phòng giám sát giáo dục. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì UBND cấp xã thông báo cho Cơ quan Thi hành án hình sự Công an cấp huyện, để chuyển hồ sơ thi hành án treo cho UBND cấp xã nơi người được hưởng án treo đến cư trú để giám sát, giáo dục.

- Về vật chứng trong vụ án: Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trả lại cho bị hại số tiền 10.000.000 đ (Mười triệu đồng), 01 áo phông dài tay màu trắng hồng, 01 áo khoác màu xám đen và 01 điện thoại Viettel; trả lại cho Nguyễn Văn L 01 áo phông đen cộc tay, 01 quần bò dài màu đen, 01 điện thoại di động OPPO màu trắng, theo biên bản giao vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự quận K.

- Về án phí: Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Văn L được miễn án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND quận K;
- Công an quận K;
- Chi cục THA dân sự K;
- TAND TP.Hải Phòng;
- Bị cáo, người bào chữa;
- Bị hại, đại diện bị hại, người bảo vệ quyền lợi của bị hại;
- Lưu: Hồ sơ, VT, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Đăng Trình

